

Bản án số: 212/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2024.

V/v: “*Tranh chấp về nuôi con*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Tuyết Thanh.

2. Ông Nguyễn Văn Bút.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 424/2023/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Huỳnh H**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: **khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.**

2. Bị đơn: Ông **Trần Quốc T**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: **khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông **T**: Ông **Huỳnh Thanh S** – Trợ giúp viên pháp lý **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B.**

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn cùng có lời trình bày:

Bà và ông **Trần Quốc T** tự nguyện kết hôn vào năm 1991 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre** vào năm 1991. Sau khi kết hôn hai người chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột nhau, vợ chồng đã nhiều lần tìm cách giải quyết tuy nhiên không có tiếng nói chung, không hàn gắn được tình cảm, nay vợ chồng mạnh ai nấy sống không

quan tâm đến nhau. Nay bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T, bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung là Trần Thị Huỳnh G, sinh ngày 30/5/1992 và Trần Quốc H1, sinh ngày 31/12/2001, cả hai đã trưởng thành, đủ điều kiện sức khỏe để tự lao động nuôi sống bản thân nên bà H không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ chung là Ngân hàng C chi nhánh B - Phòng giao dịch huyện C số tiền nợ gốc là 37.000.000đồng. Hiện Ngân hàng không yêu cầu giải quyết, nếu sau này Ngân hàng yêu cầu bà H đồng ý trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh.

Theo văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị đơn có lời trình bày

Ông T thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian hai bên kết hôn, thời gian đăng ký kết hôn. Ông T và bà H đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay mà không hàn gắn được tình cảm. Ông T thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà H, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung là Trần Thị Huỳnh G, sinh ngày 30/5/1992 và Trần Quốc H1, sinh ngày: 31/12/2001, cả hai người con đã trưởng thành, đủ điều kiện sức khỏe để tự lao động nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung: Có 01 phần đất diện tích 48m² đất ở đô thị và căn nhà trên đất thuộc thửa đất số 143, tờ bản đồ số 36, tọa lạc tại khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre, đất hiện do bà H đứng tên quyền sử dụng đất, giá trị nhà và đất khoảng 2 tỷ đồng. Lúc ban đầu, ông yêu cầu chia đôi tài sản chung, bà H được nhận nhà và đất và có trách nhiệm hoàn lại cho ông số tiền 1 tỷ đồng tuy nhiên nay ông T tự nguyện rút lại yêu cầu chia tài sản.

- Về nợ chung: Có nợ chung là Ngân hàng C chi nhánh B - Phòng giao dịch huyện C số tiền nợ gốc là 37.000.000đồng. Ông đồng ý liên đới cùng bà H trả lại cho Ngân hàng số tiền đã vay và tiền lãi phát sinh khi Ngân hàng có yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà H.

- Về hôn nhân: Bà Phan Thị Huỳnh H được ly hôn đối với ông Trần Quốc T.

- Về con chung: Trần Thị Huỳnh G, sinh ngày 30/5/1992 và Trần Quốc H1, sinh ngày 31/12/2001, hai cháu đủ 18 tuổi có đủ điều kiện sức khỏe tự nuôi sống bản thân, ông bà không yêu cầu nên không giải quyết.

- Nợ chung: Ngân hàng C Chi nhánh B Phòng giao dịch huyện C không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông T về phân chia tài sản chung, nếu các bên phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn vì vậy căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách thụ lý giải quyết là phù hợp

Ngân hàng C Chi nhánh B - Phòng giao dịch huyện C không yêu cầu bà Phan Thị Huỳnh H và ông Trần Quốc T trả nợ vay vì vậy không cần đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung:

Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 1991, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo nguyên đơn sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột nhau vợ chồng đã nhiều lần tìm cách giải quyết tuy nhiên không có tiếng nói chung, không hàn gắn được tình cảm, nay vợ chồng mạnh ai nấy sống không quan tâm đến nhau. Bị đơn ông T cũng thống nhất ông và bà H đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay mà không hàn gắn được và đồng ý ly hôn với bà H. Tòa án cũng đã hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng hai bên đều cương quyết ly hôn.

Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử nhận định nguyên đơn cương quyết ly hôn còn bị đơn dù biết ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân nhưng bị đơn đã bỏ mặc cho nguyên đơn tự giải quyết, không cùng nguyên đơn có các biện pháp tích cực nhằm cải thiện tình trạng hôn nhân của cả hai để kéo dài mối quan hệ hôn nhân và đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Như vậy tình trạng hôn nhân của cả hai đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử cần thiết phải chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn công nhận thuận ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu cấp dưỡng sau khi ly hôn là do sự tự nguyện của cả hai vì vậy cần ghi nhận.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Huỳnh G, sinh ngày 30/5/1992 và Trần Quốc H1, sinh ngày 31/12/2001, cả hai người con đã trưởng thành, đủ điều kiện sức khỏe lao động để tự nuôi sống bản thân nên bà H không yêu cầu giải quyết là phù hợp.

Về tài sản chung: Nguyên đơn trình bày không có tài sản chung, bị đơn trình bày có tài sản chung và có đơn yêu cầu phản tố chia tài sản chung tuy nhiên bị đơn rút yêu cầu này vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản của bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nếu các bên phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về nợ chung: Ngân hàng C Chi nhánh B - Phòng giao dịch huyện C không yêu cầu bà Phan Thị Huỳnh H và ông Trần Quốc T trả nợ vay là do sự tự nguyện vì vậy không xem xét, giải quyết, nếu phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Lời phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách tại phiên tòa về hình thức, nội dung vụ án là phù hợp với việc xem xét, đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lời phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là phù hợp với việc xem xét, đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng, nguyên đơn phải có nghĩa vụ chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001280 ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Do đình chỉ yêu cầu chia tài sản của bị đơn vì vậy cần trả lại cho bị đơn tiền tạm ứng án phí sơ thẩm tuy nhiên do bị đơn là người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51 và 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Cụ thể tuyên:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Huỳnh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phan Thị Huỳnh H và ông Trần Quốc T.

Ghi nhận bà Phan Thị Huỳnh H và ông Trần Quốc T không yêu cầu việc cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung:

Có 02 con chung tên Trần Thị Huỳnh G, sinh ngày 30/5/1992 và Trần Quốc H1, sinh ngày 31/12/2001, cả hai người con đã trưởng thành, đủ điều kiện sức khỏe lao động để tự nuôi sống bản thân.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn.

4. Về nợ chung: Ghi nhận Ngân hàng C Chi nhánh B - Phòng giao dịch huyện C không yêu cầu bà Phan Thị Huỳnh H và ông Trần Quốc T trả nợ vay.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị Huỳnh H phải có nghĩa vụ chịu số tiền 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001280 ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ông Trần Quốc T được miễn nộp tạm ứng án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Chợ Lách, tỉnh BT;
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh BT;
- UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh BT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Chí Cường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Hồ Mỹ Ngọc Phạm Gia Ảnh

Đào Chí Cường

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

-Các đương sự;

TÒA

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Vĩnh Bình, huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Đào Chí Cường